

Bàn về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước

TS. Phạm Thị Quyên*

G iám sát tài chính và công khai tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và doanh nghiệp có vốn nhà nước là vấn đề có tính cấp thiết nhằm minh bạch hóa hoạt động của doanh nghiệp, phát hiện và điều chỉnh kịp thời những bất thường trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, Chính phủ chỉ đạo tăng cường giám sát và công khai tài chính các doanh nghiệp ngày càng quyết liệt. Ngày 25/06/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2013/NĐ-CP về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Sau hơn 2 năm thực hiện, đến ngày 06/10/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 87/2015/NĐ-CP về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước thay thế Nghị định số 61/2013/NĐ-CP. Trong phạm vi bài viết này, tác giả muốn trao đổi về việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước nhằm không ngừng nâng cao hơn nữa hiệu quả việc giám sát tài chính đối với doanh nghiệp.

Tại Điều 28, Nghị định 87/2015/NĐ-CP quy định khá rõ về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp. Theo đó, các tiêu chí được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiêu chí 1: Doanh thu.
- Tiêu chí 2: Lợi nhuận sau thuế (LNST) và tỷ suất LNST trên vốn chủ sở hữu.
- Tiêu chí 3: Nợ phải trả quá hạn, khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Tiêu chí 4: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

- Tiêu chí 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

Đánh giá và xếp loại doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở so sánh giữa kết quả thực hiện với kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được chủ sở hữu giao. Kết quả đánh giá và xếp loại doanh nghiệp được phân loại: doanh nghiệp xếp loại A; doanh nghiệp xếp loại B; doanh nghiệp xếp loại C.

Tuy nhiên, trong báo cáo giám sát tài chính của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp, thì chủ sở hữu phải đánh giá thực trạng tài chính doanh nghiệp theo các mức độ: an toàn về tài chính, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính. (Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Mặt khác, tại Điều 10, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP và nay được quy định tại Điều 24, Nghị định 87/2015/NĐ-CP, quy định các dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp để cảnh báo khả năng đặt doanh nghiệp vào tình trạng giám sát tài chính đặc biệt hay tiếp tục giám sát tài chính.

Từ những vấn đề nêu trên, tác giả nhận thấy cần có những quy định rõ hơn về các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, cũng như phương pháp đánh giá, xếp loại đảm bảo tính thống nhất trong các văn bản pháp lý để doanh nghiệp, cơ quan giám sát thống nhất trong quá trình thực hiện giám sát, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

* Học viện Tài chính

Thứ nhất, về các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cần đảm bảo phản ánh đầy đủ những vấn đề tài chính cơ bản của doanh nghiệp: cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu vốn, tài trợ vốn, công nợ, khả năng thanh toán, kết quả kinh doanh, hiệu quả kinh doanh. Riêng đối với doanh nghiệp đầu tư vốn ra nước ngoài cần có các chỉ tiêu phản ánh kết quả đầu tư. Tác giả đề xuất các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu 1: Doanh thu thực hiện (CT.1). Chỉ tiêu doanh thu thực hiện phản ánh kết quả kinh doanh ban đầu của doanh nghiệp. Chỉ tiêu doanh thu thực hiện được xác định theo Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DN ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) bao gồm Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10) + Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21) + Thu nhập khác (Mã số 31).

Chỉ tiêu 2: Lợi nhuận sau thuế (CT.2), lợi nhuận đầu tư ra nước ngoài.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế được xác định theo Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính); chỉ tiêu lợi nhuận đầu tư ra nước ngoài xác định theo số lợi nhuận được chia do đầu tư vốn.

Chỉ tiêu 3: Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (CT.3)

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên VCSH} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh cấu trúc tài chính cơ bản của doanh nghiệp. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (VCSH) càng lớn thì mức độ phụ thuộc vào các chủ nợ và áp lực trả nợ càng cao, nhưng hệ số nợ phải trả trên VCSH cao trong điều kiện hệ số sinh lời kinh tế của tài sản cao hơn lãi suất vay vốn thì lại mang đến cơ hội cho doanh nghiệp tăng được hệ số sinh lời VCSH và ngược lại.

Chỉ tiêu 4: Hệ số nợ phải trả quá hạn (CT.4)

$$\text{Hệ số nợ phải trả quá hạn} = \frac{\text{Nợ phải trả quá hạn}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán nợ của doanh nghiệp. Nếu hệ số bằng 0, tức là doanh nghiệp chấp hành tốt kỷ luật thanh toán; hệ số càng lớn tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán càng kém.

Chỉ tiêu 5: Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (CT.5)

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng đáp ứng yêu cầu thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Nếu hệ số lớn hơn 1, tức là doanh nghiệp đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bằng giá trị tài sản ngắn hạn hiện có và khi đó một phần tài sản ngắn hạn đang được tài trợ bằng nguồn vốn dài hạn thể hiện tình hình tài trợ ổn định và ngược lại.

Chỉ tiêu 6: Hệ số các khoản phải thu (CT.6)

$$\text{Hệ số các khoản phải thu trên tài sản} = \frac{\text{Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ bị chiếm dụng vốn của doanh nghiệp, hệ số càng lớn thì mức độ bị chiếm dụng vốn càng cao.

Chỉ tiêu 7: Hệ số nợ phải thu quá hạn, khó đòi (CT.7)

$$\text{Hệ số nợ phải thu quá hạn, khó đòi} = \frac{\text{Nợ phải thu quá hạn, khó đòi}}{\text{Nợ phải thu}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh tình hình thu hồi nợ. Nếu hệ số bằng 0, tức là doanh nghiệp không phát sinh nợ xấu có khả năng mất vốn; nếu hệ số càng lớn thì rủi ro bị mất vốn càng cao.

Chỉ tiêu 8: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (CT.8). Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

$$\text{Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Chỉ tiêu 9: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (CT.9). Chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời ròng của vốn kinh doanh.

$$\text{Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

Chỉ tiêu 10: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên VCSH (CT.10). Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của VCSH.

$$\text{Hệ số lợi nhuận sau thuế VCSH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{VCSH bình quân}}$$

Chỉ tiêu 11: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu (CT.11). Chỉ tiêu này phản ánh tình hình sinh lời của vốn đầu tư chủ sở hữu (CSH).

$$\text{Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư CSH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn đầu tư CSH bình quân}}$$

Chỉ tiêu 12: Hệ số bảo toàn vốn đầu tư CSH (CT.12). Chỉ tiêu này phản ánh tình hình bảo toàn của vốn đầu tư CSH. Nếu hệ số nhỏ hơn 0, tức là vốn đầu tư CSH không được bảo toàn.

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn đầu tư CSH} = \frac{\text{LNST chưa phân phối vào các quỹ thuộc VCSH}}{\text{Vốn đầu tư CSH}}$$

Thứ hai, sử dụng phương pháp chấm điểm để xếp loại doanh nghiệp dựa vào các chỉ tiêu trên và việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính; tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Đối với doanh nghiệp (DN) đang trong giai đoạn lỗ kế hoạch: Thực hiện chấm điểm theo bảng 01.

Thứ ba, xếp loại doanh nghiệp.

Sau khi chấm điểm đối với từng chỉ tiêu, có thể xếp loại DN theo phân loại như sau: Điểm bình quân (Đ) < 1,5 điểm: DN xếp loại A - an toàn về tài chính; Điểm bình quân: 1,5 điểm ≤ Đ < 2,5 điểm: DN xếp loại B - an toàn về tài chính; Điểm bình quân: 2,5 điểm ≤ Đ < 3,5 điểm: DN xếp loại C - có dấu hiệu mất an toàn tài chính; Điểm bình quân: Đ ≥ 3,5 điểm: DN xếp loại D - mất an toàn tài chính, giám sát tài chính đặc biệt

Ngoài việc chấm điểm để xếp loại doanh nghiệp, điểm bình quân còn có thể sử dụng để so sánh giữa kỳ này với kỳ trước để đánh giá sự thay đổi về mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp

Bảng 01: Chấm điểm đối với DN đang trong giai đoạn lỗ kế hoạch

Chỉ tiêu	Chấm điểm
CT.1: Doanh thu thực hiện	CT.1 ≥ kế hoạch: 1 điểm
	KH > CT.1 ≥ 90% kế hoạch : 2 điểm
	90% KH > CT.1 ≥ 80% kế hoạch: 3 điểm
	CT.1 < 80% kế hoạch: 4 điểm
CT.2: Lợi nhuận sau thuế (lỗ)	Lỗ thực hiện < Lỗ kế hoạch: 1 điểm
	Lỗ thực hiện = Lỗ kế hoạch: 2 điểm
	Lỗ thực hiện > lỗ kế hoạch và nhỏ hơn 30% so với lỗ KH: 3 điểm
	Lỗ thực hiện lớn hơn 30% so với lỗ kế hoạch: 4 điểm
CT.3: Hệ số nợ phải trả trên VCSH	CT.3 ≤ 1: 1 điểm
	1 < CT.3 ≤ 2: 2 điểm
	2 < CT.3 ≤ 3: 3 điểm
	CT.3 > 3: 4 điểm

Chỉ tiêu	Chấm điểm
CT.4: Hệ số nợ phải trả quá hạn	CT.4 = 0: 1 điểm
	$0 < \text{CT.4} \leq 0,1$: 2 điểm
	$0,1 < \text{CT.4} \leq 0,2$: 3 điểm
	$\text{CT.4} > 0,2$: 4 điểm
CT.5: Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	$\text{CT.5} \geq 1$: 1 điểm
	$1 > \text{CT.5} \geq 0,75$: 2 điểm
	$0,75 > \text{CT.5} \geq 0,5$: 3 điểm
	$\text{CT.5} < 0,5$: 4 điểm
CT.6: Hệ số các khoản phải thu trên tài sản	$\text{CT.6} < 0,2$: 1 điểm
	$0,2 \leq \text{CT.6} < 0,3$: 2 điểm
	$0,3 \leq \text{CT.6} < 0,4$: 3 điểm
	$\text{CT.6} \geq 0,4$: 4 điểm
CT.7: Hệ số các khoản phải thu quá hạn, khó đòi	CT.7 = 0: 1 điểm
	$0 < \text{CT.7} \leq 0,05$: 2 điểm
	$0,05 < \text{CT.7} \leq 0,10$: 3 điểm
	$\text{CT.7} > 0,10$: 4 điểm
CT.13: Việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính	DN không có kết luận vi phạm: 1 điểm
	DN bị nhắc nhở 1 lần: 2 điểm
	DN bị nhắc nhở từ 2 lần trở lên: 3 điểm
	DN đã bị xử phạt hành chính trở lên: 4 điểm
CT.14: Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	DN hoàn thành vượt mức kế hoạch và đảm bảo chất lượng: 1 điểm
	DN hoàn thành kế hoạch và đảm bảo chất lượng: 2 điểm
	DN hoàn thành từ trên 90% kế hoạch và đảm bảo chất lượng: 3 điểm
	DN hoàn thành dưới 90% kế hoạch hoặc không đảm bảo chất lượng: 4 điểm

- Đối với DN sau giai đoạn lỗ kế hoạch: thực hiện chấm điểm theo bảng 02.

Bảng 02: Chấm điểm đối với DN sau giai đoạn lỗ kế hoạch

Chỉ tiêu	Chấm điểm
CT.1: Doanh thu thực hiện	CT.1 \geq kế hoạch: 1 điểm
	KH > CT.1 \geq 90% kế hoạch : 2 điểm
	90% KH > CT.1 \geq 80% kế hoạch: 3 điểm
	CT.1 < 80% kế hoạch: 4 điểm
CT.2: Lợi nhuận sau thuế	CT.2 > 0 và CT.2 \geq Kế hoạch: 1 điểm
	CT.2 > 0 và CT.2 < Kế hoạch: 2 điểm
	CT.2 = 0: 3 điểm
	CT.2 < 0: 4 điểm
CT.2b: Lợi nhuận từ đầu tư ra nước ngoài (nếu có)	CT.2b > 0: 1 điểm
	CT.2b = 0: 2 điểm
	CT.2b < 0: 3 điểm
CT.3: Hệ số nợ phải trả trên VCSH	CT.3 \leq 1: 1 điểm
	1 < CT.3 \leq 2: 2 điểm
	2 < CT.3 \leq 3: 3 điểm
	CT.3 > 3: 4 điểm
CT.4: Hệ số nợ phải trả quá hạn	CT.4 = 0: 1 điểm
	0 < CT.4 \leq 0,1: 2 điểm
	0,1 < CT.4 \leq 0,2: 3 điểm
	CT.4 > 0,2: 4 điểm
CT.5: Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	CT.5 \geq 1: 1 điểm
	1 > CT.5 \geq 0,75: 2 điểm
	0,75 > CT.5 \geq 0,5: 3 điểm
	CT.5 < 0,5: 4 điểm
CT.6: Hệ số các khoản phải thu trên tài sản	CT.6 < 0,2: 1 điểm
	0,2 \leq CT.6 < 0,3: 2 điểm
	0,3 \leq CT.6 < 0,4: 3 điểm
	CT.6 \geq 0,4: 4 điểm
CT.7: Hệ số các khoản phải thu quá hạn, khó đòi	CT.7 = 0: 1 điểm
	0 < CT.7 \leq 0,05: 2 điểm
	0,05 < CT.7 \leq 0,10: 3 điểm
	CT.7 > 0,10: 4 điểm

Chỉ tiêu	Chấm điểm
CT.8: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	CT.8 > 0 và CT.8 \geq Kế hoạch: 1 điểm
	CT.8 > 0 và CT.8 < Kế hoạch: 2 điểm
	CT.8 = 0: 3 điểm
	CT.8 < 0: 4 điểm
CT.9: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh	CT.9 > 0 và CT.9 \geq Kế hoạch: 1 điểm
	CT.9 > 0 và CT.9 < Kế hoạch: 2 điểm
	CT.9 = 0: 3 điểm
	CT.9 < 0: 4 điểm
CT.10: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên VCSH	CT.10 > 0 và CT.10 \geq Kế hoạch: 1 điểm
	CT.10 > 0 và CT.10 < Kế hoạch: 2 điểm
	CT.10 = 0: 3 điểm
	CT.10 < 0: 4 điểm
CT.11: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư CSH	CT.11 \geq 0,1: 1 điểm
	0,1 > CT.11 \geq 0: 2 điểm
	0 > CT.11 \geq - 0,3: 3 điểm
	CT.11 \leq - 0,3: 4 điểm
CT.12: Hệ số bảo toàn vốn đầu tư CSH	CT.12 \geq 0,1: 1 điểm
	0 \leq CT.12 < 0,1: 2 điểm
	-0,5 \leq CT.12 < 0: 3 điểm
	CT.12 < - 0,5: 4 điểm
CT.13: Việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính	DN không có kết luận vi phạm: 1 điểm
	DN bị nhắc nhở 1 lần: 2 điểm
	DN bị nhắc nhở từ 2 lần trở lên: 3 điểm
	DN đã bị xử phạt hành chính trở lên: 4 điểm
CT.14: Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	DN hoàn thành vượt mức kế hoạch và đảm bảo chất lượng: 1 điểm
	DN hoàn thành kế hoạch và đảm bảo chất lượng: 2 điểm
	DN hoàn thành từ trên 90% kế hoạch và đảm bảo chất lượng: 3 điểm
	DN hoàn thành dưới 90% kế hoạch hoặc không đảm bảo chất lượng: 4 điểm

Bảng 03: Chấm điểm, xếp loại đối với CTCP xi măng BS và CTCP xi măng HM

TT	Chỉ tiêu	CTCP xi măng BS		CTCP xi măng HM	
		Trị số	Điểm	Trị số	Điểm
1.	Doanh thu thực hiện	97%KH	3	112%KH	1
2.	Lợi nhuận sau thuế	108%KH	1	120%KH	1
3.	Hệ số nợ phải trả trên VCSH	3,0748	4	1,0887	2
4.	Hệ số nợ phải trả quá hạn	0	1	0	1
5.	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,3947	4	0,7359	3
6.	Hệ số các khoản phải thu trên tài sản	0,0387	1	0,0637	1
7.	Hệ số các khoản phải thu quá hạn, khó đòi	0,0150	2	0,0258	2
8.	Hệ số LNST trên doanh thu	0,0396	1	0,0246	1
9.	Hệ số LNST trên vốn kinh doanh	0,0257	1	0,0223	1
10.	Hệ số LNST trên VCSH	0,1213	1	0,0497	1
11.	Hệ số LNST trên vốn đầu tư CSH	0,1117	1	0,0599	1
12.	Hệ số bảo toàn vốn đầu tư CSH	-0,0382	3	0,2466	1
13.	Việc chấp hành pháp luật	Không vi phạm	1	Không vi phạm	1
Bình quân			1,85		1,30

hoặc so sánh giữa các doanh nghiệp với nhau. Ưu điểm của phương pháp chấm điểm và xếp loại dễ thực hiện, giữa các chỉ tiêu tài chính có sự tương hỗ lẫn nhau. Nếu các doanh nghiệp có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giống nhau nhưng khác nhau về hệ số nợ phải trả quá hạn, về kết quả kinh doanh,... thì kết quả phân loại doanh nghiệp vẫn khác nhau.

Việc quy định chấm điểm, xếp loại doanh nghiệp có thể nghiên cứu đối với từng ngành nghề cụ thể đảm bảo tính khoa học, hợp lý hơn.

Ví dụ: Thu thập số liệu từ báo cáo thường niên, báo cáo tài chính năm 2014 của công ty cổ phần (CTCP) xi măng BS và CTCP xi măng HM, ta có thể chấm điểm và xếp loại các DN

như sau (Bảng 03). Biết rằng, cả hai công ty đều không có sản phẩm, dịch vụ công ích.

Từ kết quả tính toán trong bảng 03, cho thấy CTCP xi măng HM là doanh nghiệp xếp loại A - an toàn về tài chính; CTCP xi măng BS là doanh nghiệp xếp loại B - an toàn về tài chính. Tuy nhiên, CTCP xi măng HM có hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn nhỏ hơn 1 nên nhà quản trị tài chính của công ty cần có sự điều chỉnh về chính sách tài trợ vốn. CTCP xi măng BS có hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn nhỏ hơn 0,5, hệ số nợ phải trả trên VCSH cao hơn 3 lần và vốn đầu tư của chủ sở hữu không được bảo toàn là những vấn đề bất cập lớn nhất mà nhà quản trị tài chính của công ty cần phải có các quyết sách quản trị phù hợp.

Trên đây là một vài trao đổi về phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại đối với DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Tác giả hy vọng, các nhà khoa học, các nhà quản lý sẽ cùng nghiên cứu để đưa ra các phương pháp đánh giá, xếp loại doanh nghiệp hợp lý nhất, khoa học nhất để giúp cho các doanh nghiệp, các cơ quan giám sát nâng cao được hiệu quả giám sát tài chính đối với DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Tài liệu tham khảo:

Nghị định 61/2013/NĐ-CP
ngày 25/06/2013;

Nghị định 87/2015/NĐ-CP
ngày 06/10/2015;

Các trang website.